

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HT
TỈNH TN**

Bản án số: 28/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2020
V/v Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ngọc Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Quang Truyền**;
2. Ông **Võ Xuân Phong**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Du** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 852/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Trương Minh H.**, sinh năm 1980 – (vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

-Địa chỉ: Ấp Cái Tràm B, thị trấn HB, huyện HB, tỉnh BL

2. *Bị đơn:* Chị **Võ Thị Hồng Ph.**, sinh năm 1980 – (vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

-Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 20, tổ 2, ấp Bàu Dung, xã TP, huyện TB, tỉnh TN.

-Địa chỉ nơi cư trú hiện nay: M71/8C, khu phố HIệp Hòa, phường HT, thị xã HT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2019 và bản tự khai nguyên đơn anh Trương Minh H. trình bày:

Anh và chị Ph.chung sống với nhau từ năm 2001, do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Chung sống được 03 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng ly thân từ năm 2004 đến nay, anh H. nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Phước.

Về con chung: Có 01 con tên Trương Thị Thu H, sinh ngày 18/10/2002 đang sống với chị Ph.. Khi ly hôn anh H. đồng ý giao con cho chị Ph.tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh H. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của bị đơn – chị Võ Thị Hồng Ph.trình bày, thể hiện như sau:

Chị Ph.thống nhất lời trình bày của anh H. về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, tài sản chung và nợ chung là đúng.

Về con chung: Có 01 con tên Trương Thị Thu H, sinh ngày 18/10/2002 đang sống với chị Phước. Khi ly hôn chị Ph.yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H. cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị Ph.không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Ph.không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tuân theo pháp luật tố tụng; người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng pháp luật. Anh H., chị Ph.có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H., chị Ph.là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mục đích hôn nhân của anh H., chị Ph.không đạt được. Anh H. yêu cầu ly hôn, chị Ph.cũng đồng ý ly hôn nhưng do anh H. không đến Tòa án nên không hòa giải được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H..

Về con chung : Giao cháu Trương Thị Thu H, sinh ngày 18/10/2002 cho chị Ph.tiếp tục trong nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Ph.không yêu cầu anh H. cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, anh H. trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ cho đến khi xét xử, nguyên đơn là anh Trương Minh H. và bị đơn là chị Võ Thị Hồng Ph.có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh H., chị Ph.là đúng với quy định tại Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Trương Minh H. và chị Võ Thị Hồng Ph.chung sống với nhau từ năm 2001, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã TP, huyện TB, tỉnh TN. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh H. thấy rằng: Anh H. và chị Ph.chung sống với nhau từ năm 2001 đến năm 2004 thì sống ly thân cho đến nay. Mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình. Trong thời gian sống ly thân anh, chị cũng không gặp nhau để bàn bạc việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, cả anh H. và chị Ph.đều không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa anh H. và chị Ph.không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H. là có căn cứ theo quy định tại **Điều 56** Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Thị Thu H, sinh ngày 18/10/2002 hiện đang sống với chị Phước. Qua làm việc cháu H, có nguyện vọng sống chung với mẹ, anh H. cũng đồng ý giao cháu H, cho chị Ph.nuôi nấng giao cho chị Ph.tiếp tục trong nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Ph.không yêu cầu anh H. cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H., chị Ph.không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Trong vụ án này, anh H. là nguyên đơn, do đó, anh H. phải chịu án phí theo quy định.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trương Minh H. và chị Võ Thị Hồng Phước.

Anh Trương Minh H. được ly hôn với chị Võ Thị Hồng Phước.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Thị Thu H, sinh ngày 18/10/2002 cho chị Ph.tiếp tục trong nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Ph.không yêu cầu anh H. cấp dưỡng nuôi con.

Anh H. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H., chị Ph.không yêu cầu Tòa an giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H. phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H. đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai

thu số 0008228 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT (nay là thị xã HT), tỉnh TN. Ghi nhận anh H. đã nộp xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thị xã HT;
- Chi cục THADS thị xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

HUỲNH THỊ NGỌC HẠNH